

**TÒA ÁN N DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 9 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án N dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021; Quyết hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST ngày 22 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp An, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Anh Huỳnh Trí N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khóm 3, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 2019, chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Trí N tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban N dân phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/9/2019. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng đã không còn chung

sống từ tháng 3/2021 đến nay. Hiện nay, chị L đang sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn N không thể kéo dài nên chị L kiên quyết ly hôn với anh Huỳnh Trí N. Chị L và anh N có 01 con chung là Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 27/6/2019, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, cháu Như hiện đang sống cùng chị L. Chị L và anh N không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị L không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Trí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn N và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Huỳnh Trí N. Giao con chung là Huỳnh Ngọc Như, sinh ngày 27/6/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn N gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Huỳnh Trí N. Bị đơn anh N đang cư trú tại Khóm 3, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Trí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Trí N tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ngày 13/9/2019 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn N hợp pháp. Chị L cho rằng, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 03/2021 đến nay, nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống vợ chồng với anh N nên chị L xin được ly hôn với anh N. Chị L yêu cầu được nuôi con chung là Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 27/6/2019, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu xin ly hôn và ý kiến trình bày của chị L. Mặc khác, theo Biên bản xác minh ông Huỳnh Tấn Tài (cha ruột anh N) ngày 06/9/2021, ông Tài xác định: Anh N và chị L tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2019, vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 27/6/2019. Trong thời gian anh N và chị L chung sống thì ông Tài thấy vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã và chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống mấy tháng nay. Anh N có biết về việc chị L yêu cầu xin ly hôn với anh N, anh N đồng ý ly hôn với chị L và thống nhất với các yêu cầu của chị L về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra, theo Biên bản xác minh ngày 06/9/2021 đối với ông Sơn T - Trưởng Ban nhân dân Khóm 3, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, ông T xác định: Anh Huỳnh Trí N, sinh năm 1993 có đăng ký N khẩu thường trú và sinh sống tại Khóm 3, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, anh N có vợ tên Nguyễn Thị L. Do quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên anh N và chị L đã không còn chung sống,.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của chị L, biên bản xác minh cha ruột của anh N và biên bản xác minh chính quyền địa phương thì việc vợ chồng chị L và anh N chung sống có mâu thuẫn và đã không còn chung sống từ tháng 03/2021 đến nay là có trên thực tế, nay chị L xin ly hôn thì anh N cũng không có ý kiến gì. Xét thấy tình trạng hôn N của chị L và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Trí N có 01 con chung là Huỳnh Ngọc Như, sinh ngày 27/6/2019. Chị L có nguyện vọng nuôi con, anh N cũng không ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nh hiện nay còn rất nhỏ (hơn 3 tuổi), là bé gái, từ trước đến nay do chị L trực tiếp chăm sóc và hiện nay đang sống cùng chị L. Cho nên, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt cho con chung, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn N và Gia đình giao

con chung là Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 27/6/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn N và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, còn anh Huỳnh Trí N không kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trong trường hợp, anh N có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền yêu cầu khởi kiện vụ án chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn N và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Huỳnh Trí N. Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn chạnh Huỳnh Trí N.

2. Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 27/6/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn N và Gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Trí N không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Trí N không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn N và gia đình sơ thẩm. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003666 ngày 06/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ca Kiều Nguyệt